Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8706

Mã HS	8706
Mô tả hàng hóa	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:05:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8706/

13 dòng thuế thuộc 8706

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8706.00.11	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01: / - - Dùng cho máy kéo nông nghiệp thuộc nhóm 87.01	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.19	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01: / - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.21	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02: / - - Dùng cho ô tô (bao gồm cả ô tô limousine kéo dài nhưng không bao gồm ô tô khách (1) (coaches, buses, minibuses) hoặc ô tô van)	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.22	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02: / - - Loại khác, dùng cho xe có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 24 tấn	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.23	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02: / - - Loại khác, dùng cho xe có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.31	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - Dùng cho xe đua cỡ nhỏ và xe chơi gôn (kể cả xe golf buggies) và các loại xe tương tự	chiếc	40,5%	27%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8706.00.32	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - Dùng cho ô tô cứu thương	chiếc	40,5%	27%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.33	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - Dùng cho ô tô (bao gồm cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô thể thao, nhưng không kể ô tô van)	chiếc	40,5%	27%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.34	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - Dùng cho xe được thiết kế đặc biệt để đi trên tuyết (SEN)	chiếc	40,5%	27%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.39	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - Loại khác	chiếc	40,5%	27%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.41	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04: / - - Dùng cho xe có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 24 tấn	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.42	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04: / - - Dùng cho xe có khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 24 tấn	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
8706.00.50	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.05	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.